

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – TP CẦN THƠ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Việt Thắng**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Lê Cẩm Huỳnh**;

2. Ông **Nguyễn Văn Đông**.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/QĐST –DS ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị T** - sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn H** - sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết tự tìm hiểu nên vào năm 1993, chị Trần Thị T và anh Đoàn Văn H tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới sau đó đi đăng ký kết hôn tại xã Thới T (cũ) nay là phường Thới T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ vào ngày 08 tháng 3 năm 2001. Thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng tương đối hạnh phúc, tuy nhiên đến khoảng 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ra ngoài làm ăn rồi sống chung với người phụ nữ khác, chị T và gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không chấm dứt mối quan hệ đó và bỏ nhà đi rất lâu mới về một lần, vợ chồng chính thức ly thân từ

năm 2017 cho đến nay. Do thời gian ly thân kéo dài, giữa hai bên không có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm dẫn đến cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt cho ly hôn với anh Đoàn Văn H

- Về con chung: Chị T cho rằng trong thời gian chung sống, chị và anh H có 03 người con là Đoàn Văn T, sinh ngày 16/10/1994, Đoàn Minh L, sinh ngày 17/10/1998 và Đoàn T2, sinh ngày 24/6/2006. Hiện Đoàn Văn T và Đoàn Minh L đã trưởng thành nên chị T không có yêu cầu giải quyết. Đối với Đoàn T2, sinh năm 2006 hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đoàn T2 đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T cho rằng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh Đoàn Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ ông H tên Dương Thị Ranh vào ngày 15/01/2020, bà Ranh xác nhận anh H đã đi làm ăn xa đi đi về về chứ không có bỏ địa phương đi, bà cũng cho rằng giữa vợ chồng chị T và anh H quá trình chung sống có 03 con chung, không có tài sản chung, nợ chung như chị T đã trình bày và cho biết nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H có người phụ nữ khác và đã chung sống với nhau như vợ chồng, không chăm lo cho vợ con từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bà cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị T, anh H được ly hôn để trả tự do cho nhau.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do có cơ sở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã nghiên cứu thẩm tra tài liệu phiên tòa và các tài liệu khác có liên quan kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Đoàn Văn H là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện xin ly hôn với anh H nên Tòa án thụ lý xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhưng bị đơn nhiều lần không đến theo triệu tập của Tòa án. Tại

phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình Tòa án giải quyết cũng đã ghi lời khai của mẹ ruột anh H và cũng là người sống chung gia đình với anh H thống nhất như trình bày của chị T như về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung...

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không chung thủy. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Điều đó cho thấy anh H không còn tha thiết mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Mặt khác, từ khi mâu thuẫn xảy ra thì giữa anh, chị không có biện pháp để hàn gắn tình cảm và cũng đã ly thân với nhau để mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình. Nay chị T thừa nhận không còn tình cảm với anh H nên xin ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận cho ly hôn là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T và anh Đoàn Văn H có 03 người con chung là Đoàn Văn T, sinh ngày 16/10/1994, Đoàn Minh L, sinh ngày 17/10/1998 và Đoàn T2, sinh ngày 24/6/2006. Hiện Đoàn Văn T và Đoàn Minh L đã trưởng thành nên chị T không có yêu cầu giải quyết. Đối với Đoàn T2, sinh năm 2006 hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đoàn T2 cũng có yêu cầu được tiếp tục sống với chị T, do đó cần thiết tiếp tục ổn định cuộc sống cho cháu bằng cách giao quyền nuôi dưỡng cho chị T là phù hợp. Đồng thời dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh H.

Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng và chị T cho rằng chị đủ khả năng kinh tế để chị nuôi con, nên Hội đồng xét xử không buộc anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

[7] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 5; 28; 35; 39; 147; 207; 227; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết Số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đoàn Văn H.

*Về nuôi con:* Công nhận anh, chị có 03 người con chung là Đoàn Văn T, sinh ngày 16/10/1994, Đoàn Minh L, sinh ngày 17/10/1998 và Đoàn T2, sinh ngày 24/6/2006. Giao cháu Đoàn T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh H không ai được cản trở. Sau này, anh H, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con.

Đối với con chung là Đoàn Văn T và Đoàn Minh L đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu Tòa án xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được tách ra giải quyết thành vụ án khác.

*Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0011904 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ. Công nhận chị T đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THADS quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Việt Thắng**